**MẪU SỐ 12E**

**MẪU MỜI CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN GÓI THẦU XÂY LẮP THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BIỂU MẪU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Biểu mẫu** | **Cách thức thực hiện** | **Trách nhiệm thực hiện** | |
| **Chủ đầu tư** | **Nhà thầu** |
| 1 | Mẫu số 01. Thông báo mời thầu | Webform | **X** |  |
| 2 | Mẫu số 02A. Bảng khối lượng công việc (Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói) | **X** |  |
| 3 | Mẫu số 02B. Bảng khối lượng công việc (Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá) | **X** |  |
| 4 | Mẫu số 03. Yêu cầu về kỹ thuật | Đính kèm trên Hệ thống | **X** |  |
| 5 | Mẫu số 04. Đơn dự thầu | Webform |  | **X** |
| 6 | Mẫu số 05A. Nhà thầu chào giá trực tuyến (Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói) |  | **X** |
| 7 | Mẫu số 05B. Nhà thầu chào giá trực tuyến (Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá) |  |  |
| 8 | Mẫu số 06. Phòng chào giá trực tuyến | **Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia** | |
| 9 | Mẫu số 07. Kết quả chào giá trực tuyến |
| 10 | Mẫu số 08. Thư xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng | **X** |  |
| 11 | Mẫu số 09. Hợp đồng điện tử | **X** | **X** |
| 12 | Mẫu số 10. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng |  |  | **X** |
| 13 | Mẫu số 11. Bảo lãnh tiền tạm ứng |  |  | **X** |

**Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)**

**THÔNG BÁO MỜI THẦU**

**(theo quy trình rút gọn)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thông tin cơ bản** | |
| Mã E-TBMT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Ngày đăng tải: | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Phiên bản thay đổi: | *[Hệ thống tự động điền]* |
| **Thông tin chung của KHLCNT** | |
| Mã KHLCNT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Phân loại KHLCNT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Tên dự án/dự toán mua sắm | *[Hệ thống tự động điền]* |
| **Thông tin gói thầu** | |
| Tên gói thầu | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Chủ đầu tư | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Nguồn vốn | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Lĩnh vực | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Hình thức lựa chọn nhà thầu | *Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn* |
| Loại hợp đồng | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Thời gian thực hiện gói thầu | *[Hệ thống tự động trích xuất]* |
| Địa điểm thực hiện gói thầu | *[Chủ đầu tư điền địa điểm thực hiện gói thầu]* |
| **Thông tin chào giá** | |
| Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến | *[Chủ đầu tư đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 05 ngày làm việc đối với gói thầu có giá gói thầu từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng, 03 ngày làm việc đối với gói thầu dưới 02 tỷ đồng trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến]* |
| Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến | *[Chủ đầu tư điền* *thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến trong giờ hành chính, tối thiểu 24h kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến]* |
| Giá trần | *[- Đối với loại hợp đồng trọn gói, Chủ đầu tư điền giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, trường hợp dự toán duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì điền dự toán.*  *- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, Chủ đầu tư điền giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt chưa bao gồm phần chi phí dự phòng, trường hợp dự toán duyệt sau khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì điền dự toán chưa bao gồm chi phí dự phòng của gói thầu;* |
| Bước giá | *[Chủ đầu tư điền bước giá trong khoảng từ 0,1% đến 0,3% giá trần]* |
| Hiệu lực của đơn dự thầu | *[Chủ đầu tư điền số ngày cho phù hợp]* |
| ***Nguyên tắc chào giá trực tuyến theo quy định tại Điều 100 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP***  - Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá.  - Mức giá do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu.  - Nhà thầu thực hiện chào giá theo Mẫu số 05 (05A hoặc 05B). Giá chào cuối cùng của nhà thầu sẽ là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.  - Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá trong thời gian chào giá trực tuyến.  **-** Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu**.** | |
| ***Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Điều 100 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP***  - Nhà thầu có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.  - Trường hợp các nhà thầu có giá chào bằng nhau thì nhà thầu chào giá trước sẽ được xếp hạng cao hơn nhà thầu chào giá sau.  **-** Trường hợp sau thời điểm kết thúc chào giá, có nhiều hơn một nhà thầu xếp hạng 1 (cùng chào một thời điểm) thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 18 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | |

**Mẫu số 02A (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

**(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)**

Khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện là toàn bộ công việc theo đúng hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Mẫu số 03. Dự toán kèm theo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không có giá trị pháp lý để xác định khối lượng công việc cần thực hiện. Nhà thầu cần tự nghiên cứu, xem xét, tính toán khối lượng công việc thực tế trên cơ sở hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và chào giá dự thầu.

**Mẫu số 02B (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

**(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** |
|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |
| *1* | *Hạng mục 1* |  |  |  |
| *2* | *Hạng mục 2* |  |  |  |
| … | *…* |  |  |  |
| **II** | **Chi phí dự phòng(\*)** |  |  |  |
|  | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:* |  | *b%* |  |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Mẫu số 03 Yêu cầu về kỹ thuật để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

**Mẫu số 03 (đính kèm trên Hệ thống)**

**YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**I. Giới thiệu về dự án, gói thầu**

**II. Yêu cầu về kỹ thuật**

*a) Nhân sự chủ chốt (nếu có)*

*Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt hoặc không yêu cầu*

*b) Thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)*

*Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu hoặc không yêu cầu*

*c) Yêu cầu về nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác*

*Chủ đầu tư được đưa ra yêu cầu cụ thể về ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất... cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác hoặc yêu cầu theo nhóm nhãn hiệu.*

*Trường hợp yêu cầu thì lập bảng yêu cầu đối với nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục nguyên nhiên vật liệu, vật tư** | **Ký mã hiệu** | **Nhãn hiệu** | **Năm sản xuất** | **Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)** | **Hãng sản xuất** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| *1* | *…* |  |  |  |  |  |
| *2* | *…* |  |  |  |  |  |
| *…* |  |  |  |  |  |  |
| *n* | *…* |  |  |  |  |  |

*d) Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);*

*đ) Yêu cầu về phòng chống cháy nổ (nếu có);*

*e) Yêu cầu về vệ sinh môi trường (nếu có);*

*g) Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông (nếu có);*

*h) Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu (nếu có);*

*i) Các yêu cầu khác*

Lưu ý: *Không được đưa ra yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khác ngoài quy định tại điểm a và điểm b Mục này.*

**III. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

*Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.*

*Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục công trình** | **Ngày bắt đầu** | **Ngày hoàn thành** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**IV. Các bản vẽ**

*E-TBMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu** | **Tên bản vẽ** | **Phiên bản/ngày phát hành** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**Mẫu số 04 (webform trên Hệ thống)**

**ĐƠN DỰ THẦU(1)**

Ngày:\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: \_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi: \_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu E-TBMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]*, Mã số thuế: \_\_\_ *[ Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[ Hệ thống tự động trích xuất]* mã E-TBMT:\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-TBMT với giá dự thầu cuối cùng mà nhà thầu đã chào trực tuyến.

Hiệu lực của đơn dự thầu: \_\_\_\_ *[Hệ thống tự động trích xuất theo E-TBMT]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;

9. Trường hợp trúng thầu, chúng tôi cam kết sẽ tiến hành hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo đúng yêu cầu tại Mẫu số 02 (02A hoặc 02B), Mẫu số 03 và giá dự thầu cuối cùng mà chúng tôi đã chào giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo Mẫu số 05 (05A hoặc 05B);

10. Trường hợp chúng tôi trúng thầu nhưng không thực hiện các cam kết trong đơn này và các nội dung đã đề xuất, chúng tôi sẽ bị công khai tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và khóa chức năng chào giá trực tuyến trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và chúng tôi bị đánh giá uy tín trong tham dự thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu.

**Mẫu số 05A (webform trên Hệ thống)**

**NHÀ THẦU CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**

**(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)**

|  |
| --- |
| **Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật, thuế, phí, lệ phí (nếu có)(\*)** |
| **M** |
|
|
|

Dự toán kèm theo E-TBMT này chỉ có giá trị tham khảo. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có).

Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi

**Mẫu số 05B (webform trên Hệ thống)**

**NHÀ THẦU CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**

**(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô tả về công việc** | **Trọng số về đơn giá của công việc(1)** |  | **Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật, thuế, phí, lệ phí (nếu có)(\*)** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* |  | **M** |
|  | *Hạng mục thứ 1* | *N1* |  |
|  | *….* | *N2* |  |
|  | *Hạng mục thứ n* | *Nn* |  |

(1) (2) Hệ thống tự trích xuất từ biểu mẫu mời thầu

(3) Nhà thầu điền các trọng số về đơn giá (N1, N2,...) của từng hạng mục. Nhà thầu lưu ý, nhà thầu cần nghiên cứu công thức tính thành tiền và đơn giá dự thầu từ các trọng số để đề xuất các trọng số cho phù hợp. Đối với lần chào giá đầu tiên nhà thầu nhập các trọng số là đơn giá của hạng mục nhà thầu dự kiến xác định sẽ chào. Đối với các lần chào giá sau, nhà thầu có thể thay đổi hoặc không thay đổi trọng số của từng hạng mục trong quá trình chào giá.

(\*) Nhà thầu chào giá **M** nhỏ hơn giá thấp nhất hiển thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của các nhà thầu tham dự theo bước giá trong thông báo mời thầu. Khi chào giá trực tuyến, trường hợp nhà thầu không thay đổi trọng số đơn giá thì chỉ cần đưa ra giá dự thầu **M**.

Nhà thầu có thể thay đổi đơn giá của từng hạng mục bằng cách thay đổi trọng số đối với hạng mục đó.

Nhà thầu lưu ý: đối với loại hợp đồng theo đơn giá, M chưa bao gồm chi phí dự phòng.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU**

**(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô tả công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Đơn giá dự thầu**  *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | **Thành tiền**  *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | |
|  | *Hạng mục 1* |  | *K1* | *D1=M/(K1+N2/N1\*K2+…+Nn/N1\*Kn)* | *D1\* K1* | |
|  | *Hạng mục 2* |  | *K2* | *D2= N2/N1\*D1* | *D2\* K2* | |
|  | *…* | *…* | *…* | *…* | *…* | |
|  | *Hạng mục n* |  | *Kn* | *Dn= Nn/N1\*D1* | *Dn\* Kn* | |
| **Giá dự thầu đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu, thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | **M** |

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4) Hệ thống tự trích xuất

(5) (6) Hệ thống tự động tính theo công thức.

**Mẫu số 06 (webform trên Hệ thống)**

**PHÒNG CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian còn lại**  **(1)** | | **Thông tin quá trình chào giá**  **trực tuyến** | | |
| **Giá trần**  **(2)** | **Bước giá**  **(3)** | **Thời gian chào giá** | **Giá dự thầu** | **Thứ hạng** |
| **Giá thấp nhất hiện tại**  **(4)** | | **(5)** | **(6)** | **(7)** |

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động tính toán thời gian chào giá còn lại.

(2) (3): Hệ thống trích xuất giá trần, bước giá trong thông báo mời thầu.

(4): Hệ thống hiển thị giá chào thấp nhất của các nhà thầu.

(5): Hệ thống hiển thị thời gian thực tế nhà thầu chào giá thành công.

(6): Hệ thống hiển thị giá chào thầu của nhà thầu.

(7): Hệ thống hiển thị thứ tự xếp hạng của các nhà thầu chào giá thành công trên Hệ thống.

**Mẫu số 07 (webform trên Hệ thống)**

**KẾT QUẢ CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN(1)**

**Số lượng nhà thầu tham dự:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên Nhà thầu** | **Mã nhà thầu** | **Giá dự thầu cuối cùng**  **(M)** | **Thời gian chào giá cuối cùng** | **Xếp hạng nhà thầu** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu được tính như sau:

- Đối với loại hợp đồng trọn gói, giá đề nghị trúng thầu là: M.

- Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, giá đề nghị trúng thầu là: M + M x b%. Trong đó b% được xác định tại Mẫu số 02B.

**Mẫu số 08**

XÁC NHẬN VỀ VIỆC CHẤP THUẬN ĐƯỢC TRAO HỢP ĐỒNG

Căn cứ kết quả chào giá trực tuyến rút gọn

Chủ đầu tư \_\_\_\_\_ [*trích xuất tên Chủ đầu tư*]

Đề nghị nhà thầu xác nhận việc chấp thuận được trao hợp đồng (*xác nhận thực hiện gói thầu này*).

*Trường hợp nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì nhà thầu sẽ bị chủ đầu tư công khai tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bị Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* *khóa chức năng chào giá trực tuyến trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên và bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu, trừ trường hợp bất khả kháng. Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng.*

**Mẫu số 09**

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ(**[[1]](#footnote-1)**)**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]*

Gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]*

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]*

- Căn cứ(2) \_\_\_*(Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];*

- Căn cứ(2)\_\_\_\_*(Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023,* *được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];*

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu] [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu].*

*-* Căn cứ Thư xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

*- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

E-mail: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: \_\_\_ ;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

Mã số thuế: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

E-mail: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: \_\_\_;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

Mã số thuế: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

E-mail: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: \_\_ ;*[ Đơn vị được ủy quyền điền thông tin]*

Mã số thuế: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: \_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu*:* \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Chủ đầu tư kê khai]*

Địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

E-mail: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Mã số thuế: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất]*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

**Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Quyền của Bên A:

a) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Bên B và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Bên A thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Bên B;

b) Nếu Bên A xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Bên B.

c) Trường hợp Bên A nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Bên B càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Bên A tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Bên A sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Bên A có quyền yêu cầu Bên B thanh toán;

- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;

Bên A có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Bên B. Bên A chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Bên B hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Bên B theo khoản này;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 4 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nêu trong hợp đồng.

a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định;

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính của Bên A tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Bên B theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Bên A không trả lời thì coi như Bên A đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Bên B;

g) Bên A phải có sẵn để cung cấp cho Bên B toàn bộ các số liệu liên quan mà Bên A có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

1. Quyền của Bên B

a) Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

2. Nghĩa vụ của Bên B

Bên B cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

a) Bên B phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

b) Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

c) Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

d) Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong khoảng thời gian \_\_\_[*ghi số ngày]* ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, nếu trong khoảng thời gian quy định Bên B không trả lời thì được coi là Bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.

3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Bên B

Bên B phải trình cho Bên A những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Bên B trên công trường.

4. Hợp tác

- Bên B phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Bên A và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường… của Bên B trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

- Bên B phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong Yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

5. Định vị các mốc

- Bên B phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó *(các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn),* nhưng Bên B phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

6. Đường đi và phương tiện

Bên B phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Bên B cần có, bao gồm lối vào công trường. Bên B cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Bên B phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Bên B hoặc người của Bên B gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Bên B không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Bên A hoặc những người khác;

b) Bên B *(trong quan hệ giữa các bên)* sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Bên B làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Bên B phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Bên A không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Bên B sẽ do Bên B chịu.

7. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Bên B phải thông báo cho Bên A không muộn hơn thời gian \_\_\_[*ghi số ngày]* ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Bên B phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Bên A đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Bên B.

8. Thiết bị của Bên B

Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Bên B phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Bên A. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Bên A đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Bên B ra khỏi công trường.

9. Thiết bị và vật liệu do Bên A cấp *(nếu có)*

a) Bên A phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Bên B.

b) Bên B phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Bên A trong khi người của Bên B vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Bên A phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Bên A. Bên A phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Bên B phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Bên A về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Bên A phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Bên B bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Bên B không tách Bên A khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

10. Hoạt động của Bên B trên công trường

Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Bên B, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Bên B có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong thời gian: \_\_\_[*ghi số ngày]* ngày, sau khi Bên A cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Bên A có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Bên B sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Bên A.

11. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Bên A. Bên B phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hướng dẫn giải quyết.

**Điều 4.** **Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán, thuế, phí, lệ phí**

1. Tạm ứng

a) Bên A phải cấp cho Bên B khoản tiền tạm ứng: *[ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng… phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng],* thời gian tạm ứng*:\_\_\_ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm\_\_ [ghi cụ thể thời gian tạm ứng]*, sau khi Bên B nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Bên B hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

b) Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên A. Bên B sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

c) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Bên B, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.

d) Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

2. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

*a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.

*b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

*- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

*- Giá trị thuế ;*

*- Dự phòng.*

Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.

3. Thanh toán:

a) Phương thức thanh toán:\_\_\_\_\_ *[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này phù hợp với pháp luật về xây dựng. Việc thanh toán cho Bên B có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản… số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật]*. Trường hợp Bên A thanh toán chậm, Bên B sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.

b) Đồng tiền thanh toán là: VND.

4.Điều chỉnh thuế

Điều chỉnh thuế: \_\_\_\_\_*[ghi “được phép” hoặc “không được phép” áp dụng điều chỉnh thuế. Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi:* “trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”*].*

**Điều 5. Hồ sơ thanh toán**

1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:

a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên A và Bên B; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

b) Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Bên A và Bên B.

2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên B, Bên A và tư vấn giám sát (nếu có);

b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện Bên B, Bên A và tư vấn giám sát (nếu có);

c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;

d) Đề nghị thanh toán của Bên B, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: \_\_\_ *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-TBMT]*.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_*[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu trong E-TBMT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8. Sửa đổi hợp đồng**

1. Bên A có thể yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

b) Thay đổi về thiết kế;

c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác như: \_\_\_ *[nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)]*.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Bên B về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu của Bên A về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên A và Bên B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên A và Bên B chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.

**Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên A không muộn hơn ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm *(ghi thời hạn phù hợp quy định)*. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:

a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;

b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu số 10 hoặc một mẫu khác được Bên A chấp thuận.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:\_\_\_% giá hợp đồng. *[ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến\_\_\_\_\_ *[căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ công trình được nghiệm thu, bàn giao và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định]*.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:\_\_\_\_\_ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu]*.

5. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Điều 10. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị**

1. Bên B phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Bên B phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị \_\_\_\_ *[ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Bên B cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)]* để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.

3. Bên A sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

4. Bên B phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

**Điều 11. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc**

1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm: Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận)

2. Kiểm tra, giám sát của Bên A

a) Bên A được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Bên B phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Bên A được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Bên B phải tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Bên B.

Đối với các công việc mà người của Bên A được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Bên B phải thông báo cho Bên A biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Bên A phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Bên B việc Bên A không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Bên B có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Bên A không tham gia quá trình này thì Bên A không được khiếu nại về các vấn đề trên.

3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

**Điều 12. Thử nghiệm**

1. Nếu Bên A chỉ thị Bên B tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Bên B sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.

2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Bên B phải trình Bên A các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

3. Bên B phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Bên B phải thống nhất với Bên A về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

4. Bên A phải thông báo trước cho Bên B về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Bên A không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Bên B có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Bên A, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

5. Bên B phải trình cho Bên A các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.

**Điều 13. Xác định các sai sót trong công trình và sửa chữa, khắc phục sai sót**

1. Xác định các sai sót trong công trình

Bên A phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Bên B và thông báo cho Bên B về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Bên A không làm thay đổi trách nhiệm của Bên B. Bên A có thể chỉ thị Bên B tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Bên B phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Bên A cho là có thể có sai sót.

2. Sửa chữa, khắc phục sai sót

a) Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Bên A phải thông báo cho Bên B về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.

b) Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Bên B phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Bên A đã thông báo.

c) Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Bên A hoặc đại diện của Bên A có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Bên B biết về ngày này.

3. Sai sót không được sửa chữa

a) Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Bên A có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí (Bên B không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Bên A), Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

b) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Bên A không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Bên A đồng ý, Bên B có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

**Điều 14. Bảo hành**

1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên B phải:

a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian: *[ghi số ngày bảo hành công trình của Bên B đề xuất]* ngày, kể từ ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_năm\_\_\_\_;

b) Trường hợp Bên A trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.

2. Trong thời gian bảo hành công trình Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên.

**Điều 15. Bảo hiểm**

1. Yêu cầu về bảo hiểm:\_\_\_\_\_\_ *[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực**đối với cả Bên A và Bên B. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Bên B phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba… theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có)]*.

2. Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ ba.

**Điều 16. Phạt, thưởng hợp đồng và bồi thường thiệt hại**

1. Bên B bị phạt theo mức \_\_\_*[ghi nội dung phạt, mức phạt và tổng giá trị phạt tối đa phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng]* cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định khoản này. Bên A có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Bên B.

2. Bồi thường thiệt hại: \_\_\_\_\_\_\_\_ *[ghi “*Áp dụng*” hoặc “*Không áp dụng*”. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:*

*-* *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;*

*- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường… phù hợp với pháp luật dân sự].*

3. Thưởng hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_ *[ghi "*áp dụng" *hoặc "*không áp dụng*"].*

*Trường hợp "*áp dụng*", quy định nội dung cụ thể về thưởng hợp đồng theo quy định của pháp luật.*

**Điều 17. Bất khả kháng**

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

**Điều 18. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.

2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:

a) Bên B dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Bên A cho phép;

b) Bên A yêu cầu Bên B trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Bên B trì hoãn tiến độ;

c) Bên A hoặc Bên B bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

d) Bên B có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Bên A thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Bên B gửi đề nghị thanh toán;

đ) Bên B không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Bên A yêu cầu;

e) Bên B không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;

g) Bên B chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;

h) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.

3. Khi Bên B vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong khoản 2 Điều này, Bên A sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.

4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Bên B phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.

**Điều 19. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong \_\_\_*[ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết:\_\_\_ *[ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...]*.

**Điều 20. Nghiệm thu, hoàn thành**

1. Nghiệm thu

Bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Bên A, Tư vấn giám sát và Bên B ký xác nhận.

2. Hoàn thành

Bên B phải yêu cầu Bên A cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Bên A sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.

**Điều 21. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng tự động hết hiệu lực sau khi các bên hoàn thành tất cả quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÀ THẦU**  *[xác nhận, chữ ký số]* | **CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  *[xác nhận, chữ ký số]* |

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong Mẫu số 02 (02A hoặc 02B), Mẫu số 03 và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

*Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.*

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

*(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc** | **Đơn vị tính** | **Giá theo các**  **hạng mục** |
| 1 | Hạng mục công việc 1 |  |  |
| 2 | Hạng mục công việc 2 |  |  |
| .. |  |  |  |
| Tổng cộng:*\_\_\_\_\_\_ [Hệ thống tự tính]* | | |  |

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

*(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá cố định)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc** | **Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| ***I*** | ***Hạng mục 1:*** |  |  |  |  |  |
| *1* |  |  |  |  |  |  |
| *2* |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Hạng mục 2:*** |  |  |  |  |  |
| *1* |  |  |  |  |  |  |
| *2* |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |
| ***III*** | ***Hạng mục…*** |  |  |  |  |  |
| *…* | *….* |  |  |  |  |  |
| **Giá hợp đồng**  *(Kết chuyển sang Điều 4 của Hợp đồng)* | | | | | |  |

**Mẫu số 10**

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); (1)

Theo quy định trong hợp đồng, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định của hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày\_\_\_ tháng\_\_ năm\_\_\_(3).

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số\_\_ *[ghi số hợp đồng]* ngày\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng/biên bản hoàn thiện hợp đồng.

**Mẫu số 11**

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG** (1)

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi:\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là “Chủ đầu tư” )

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày\_\_\_ tháng\_\_\_ năm\_\_\_ (3) hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình.

1. *() Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp..*

   *(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.* [↑](#footnote-ref-1)